

CÔNG TY TÀI CHÍNH
CỔ PHẦN TÍN VIỆT
Số: 948/2024/VietCredit-TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Tài chính cổ phần Tín Việt

Căn cứ:

- Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VietCredit).

Hội đồng quản trị (HĐQT) VietCredit kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ VietCredit, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết sửa đổi, bổ sung

Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã ban hành Luật các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (Luật các TCTD) và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024, theo đó đã thay đổi nhiều quy định về tổ chức và hoạt động của các TCTD nói chung và của VietCredit nói riêng. Theo kết quả rà soát, Quy chế Quản trị nội bộ VietCredit cần phải sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tuân thủ, phù hợp với quy định của Luật các TCTD.

II. Nội dung trình ĐHCĐ

- 1) Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ Công ty theo các nội dung tại Phụ lục số 01 đính kèm Tờ trình này;
- 2) Thông qua toàn văn Quy chế Quản trị nội bộ Công ty đính kèm Tờ trình này;
- 3) Giao Chủ tịch HĐQT ký ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Công ty đã được ĐHCĐ thông qua và theo các quy định của pháp luật;

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: Văn thư, Vp HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Phương

PHỤ LỤC SỐ 01

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CỦA VIETCREDIT

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG
Điều 2. Giải thích thuật ngữ 7. Người điều hành: Bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và <i>các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ.</i>	Điều 2. Giải thích thuật ngữ 7. Người điều hành: Bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, (các) cá nhân do Hội đồng quản trị bổ nhiệm giữ chức vụ/chức danh khác và được chỉ định là người điều hành tương đương vị trí: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc Giám đốc chi nhánh.
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.	Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan <u>có thẩm quyền</u> quyết định cao nhất của Công ty.
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc, cụ thể như sau:	Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (<i>tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ</i>), cụ thể như sau:
Điều 9. Đăng ký và ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. <i>Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự.</i> Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập bằng văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và đầy đủ các nội dung sau: a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người uỷ	Điều 9. Đăng ký và ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. <u>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số các nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 9 Điều 21 Điều lệ Công ty.</u> Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập bằng văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và đầy đủ các nội dung sau:

<p>QUY CHẾ HIỆN HÀNH</p>	<p>DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)</p>
<p>quyền, địa chỉ <i>thường trú</i>, số giấy tờ pháp lý cá nhân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền, số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền, thời hạn ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ <i>thường trú</i> và số giấy tờ pháp lý cá nhân của người được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, số giấy tờ pháp lý của pháp nhân, thông tin Người đại diện theo pháp luật, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền, số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền, thời hạn được ủy quyền; họ và tên người được ủy quyền, địa chỉ <i>thường trú</i> và số giấy tờ pháp lý cá nhân của người được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây <i>trừ trường hợp</i>:</p> <p>a. ...;</p> <p>b. ...;</p>	<p>a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người uỷ quyền, địa chỉ <i>liên lạc</i>, số giấy tờ pháp lý cá nhân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền, số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền, thời hạn ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ <i>liên lạc</i> và số giấy tờ pháp lý cá nhân của người được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông <i>ủy quyền</i> và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, số giấy tờ pháp lý của pháp nhân, thông tin Người đại diện theo pháp luật, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền, số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền, thời hạn được ủy quyền; họ và tên người được ủy quyền, địa chỉ <i>liên lạc</i> và số giấy tờ pháp lý cá nhân của người được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp <i>trước khi vào phòng họp</i>. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...;</p>
<p>Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Trường hợp cuộc triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào <i>số cổ đông dự họp hay tỷ lệ số cổ phần biểu quyết của các cổ đông dự họp, và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</i></p>	<p>Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Trường hợp cuộc triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào <i>tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</i></p>
<p>Điều 11. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. <i>Đối với các vấn đề được nêu tại khoản 2 Điều này</i> phải được thông qua bằng hình</p>	<p>Điều 11. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. <i>Các quyết định về nội dung sau đây</i> phải được thông qua bằng hình thức biểu</p>

<p style="text-align: center;">QUY CHẾ HIỆN HÀNH</p>	<p style="text-align: center;">DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)</p>
<p>thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể, bao gồm các vấn đề sau:</p> <p>a.;</p> <p>b. <i>Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</i></p> <p>c. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;</p> <p>d. <i>Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;</i></p> <p>e. <i>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</i></p> <p>f. Xem xét, xử lý vi phạm của <i>thành viên</i> Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho cổ đông và Công ty;</p> <p>h. <i>Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</i></p>	<p>quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể, bao gồm các vấn đề sau:</p> <p>a.;</p> <p>b. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, <i>bầu bổ sung, thay thế</i> thành viên Hội đồng quản trị, <i>thành viên</i> Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của <i>Luật các TCTD</i> và Điều lệ của Công ty;</p> <p>c. Xem xét, xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho cổ đông và Công ty;</p>
<p>Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. <i>Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</i> Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>
<p>Điều 13. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua</p> <p><i>1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:</i></p> <p>a. <i>Được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;</i></p> <p>b. <i>Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:</i></p> <p>i. <i>Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ;</i></p> <p>ii. <i>Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán;</i></p> <p>iii. <i>Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;</i></p>	<p>Điều 13. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua</p> <p><i>1. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.</i></p> <p><i>2. Số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp phải chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản đối với quyết định về nội dung sau đây:</i></p> <p>a. <i>Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán</i></p>

<p>QUY CHẾ HIỆN HÀNH</p>	<p>DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)</p>
<p>iv. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>v. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>vi. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>vii. Quyết định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản Công ty;</p> <p>viii. Các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.</p> <p>2. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	<p><u>cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</u></p> <p><u>b. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Công ty mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</u></p> <p><u>3. Đối với quyết định về nội dung liên quan đến quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Công ty thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</u></p> <p><u>4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.</u></p> <p>5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>
<p>Điều 16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua.</p>	<p>Điều 16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty phải gửi đến Ngân hàng Nhà nước tất cả nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p>3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua, <u>trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc</u></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc Họ, tên, địa chỉ thường trú, liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.</p> <p>4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty;</p> <p>b.;</p> <p>c.;</p> <p>d.;</p> <p>e. Các <i>quyết định</i> đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;</p> <p><i>9. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</i></p>	<p>đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <i>mã số doanh nghiệp;</i></p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ <i>liên lạc</i>, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc Họ, tên, địa chỉ <i>liên lạc</i>, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <i>mã số doanh nghiệp của Công ty;</i></p> <p>b. ...</p> <p>c. ...</p> <p>d. ...;</p> <p>e. Các <i>vấn đề</i> đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;</p>
<p>Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến; hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến</p> <p>2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến được thực hiện theo Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến; hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến</p> <p>2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến được thực hiện theo Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông <i>từng thời kỳ.</i></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
<p>Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Vai trò của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan <i>quản lý Công ty</i>, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Vai trò của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan <u>quản trị</u>, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, <i>trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập</i>. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có ít nhất <i>1/2 (một phần hai)</i> tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải Người điều hành Công ty. <i>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</i></p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm <i>và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</i>. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. <i>Nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật liên quan trong từng thời kỳ.</i></p> <p>3. <i>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.</i></p> <p>4. <i>Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.</i></p> <p>5. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá <i>1/3 (một phần ba)</i> tổng số thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.</p> <p>6. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị <i>không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong</i></p>	<p>Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có ít nhất <u>02 thành viên là thành viên độc lập, 2/3 tổng số thành viên phải là thành viên độc lập</u> và thành viên không phải Người điều hành Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. <u>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</u>. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. <u>Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</u></p> <p>3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, <u>nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhân chuyển giao bắt buộc.</u></p> <p>4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị <u>ít hơn số thành viên tối thiểu nêu tại Khoản 1 Điều này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu trừ trường hợp Công ty là tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt sẽ do Ngân hàng Nhà nước quyết định phù hợp với thực trạng hoạt động được kiểm soát đặc biệt.</u></p> <p>5. <u>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bị</u></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p><i>thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</i></p>	<p><i>đỉnh chỉ, tam đỉnh chỉ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật các TCTD</i> <u>6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u> <u>7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</u> <u>8. Trong trường hợp Hội đồng quản trị của Công ty bầu trước ngày Luật các TCTD có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2024) mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.</u></p>
<p>Điều 23. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị 2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị a. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: <i>(i) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</i> <i>(ii) Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của Pháp luật;</i> <i>(iii) Có bằng đại học trở lên;</i> <i>(iv) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, Người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, Người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</i> <i>(v) Có đạo đức nghề nghiệp.</i> b. Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: (i) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; <i>không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</i> (ii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, <i>trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;</i> (iii) Không <i>phải là người</i> có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của</p>	<p>Điều 23. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị 2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị a. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: <u>(i) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều lệ Công ty</u> <u>(ii) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</u> <u>(iii) Có trình độ từ đại học trở lên;</u> <u>(iv) Có một trong các điều kiện sau đây: (i) có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; (ii) có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; (iii) có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (iv) có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</u> b. Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điểm a khoản 2 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: (i) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, hoặc công ty con của Công ty <u>hoặc đã làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty trong 03 năm liền kể trước đó;</u> (ii) Không phải là người hưởng lương, thù lao <u>thường xuyên</u> từ Công ty, <u>ngoài các khoản thù lao</u> mà thành viên HĐQT được hưởng; (iii) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Công ty, Người quản lý hoặc kiểm soát viên thành viên Ban</p>

<p>QUY CHẾ HIỆN HÀNH</p>	<p>DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)</p>
<p>những người này là cổ đông lớn của Công ty, Người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>(iv) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty; không cùng Người có liên quan sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty;</p> <p>(v) Không phải là Người quản lý, Ban kiểm soát của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào trong trong 05 năm liền kề trước đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>(vi) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.</p>	<p>kiểm soát của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>(iv) Không <u>đại diện</u> sở hữu cổ phần của Công ty; không cùng Người có liên quan sở hữu <u>trực tiếp, gián tiếp</u> từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty;</p> <p>(v) Không phải là Người quản lý, Ban kiểm soát của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào trong trong 05 năm liền kề trước đó.</p> <p>(vi) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.</p> <p><u>c. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Mục b, Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn quy định tại Điều lệ Công ty.</u></p>
<p>Điều 24. Giới thiệu, đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>f. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp,</p>	<p>Điều 24. Giới thiệu, đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty và của pháp luật có liên quan;</p> <p><u>2. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</u></p>

<p>QUY CHẾ HIỆN HÀNH</p>	<p>DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)</p>
<p>Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p>	<p><u>3. Công ty phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách người được bầu, bổ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.</u></p> <p>4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị <u>được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số lượng ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng viên còn lại không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số lượng ứng viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử</u> theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p>
<p>Điều 25. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;</p>	<p>Điều 25. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;</p>
<p>Điều 26. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung <u>và thông báo về việc đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung</u> Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Việc thông báo về bầu, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định <u>hướng dẫn</u> về công bố thông tin.</p>	<p>Điều 26. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Việc thông báo về bầu, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định <u>pháp luật</u> về công bố thông tin.</p>
<p>Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty <u>có quyền</u> trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả</p>	<p>Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. <i>Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</i></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị <i>có quyền</i> được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	<p>quả kinh doanh.</p> <p><u>2. Tổng mức thù lao, thưởng, các lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của của thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, <u>phù hợp với quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p><i>8. Việc phân bổ, sử dụng ngân sách hoạt động; thù lao, thưởng và các lợi ích của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định nội bộ do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ.</i></p>
<p>Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. <i>Trường hợp</i> Hội đồng quản trị bầu <i>Chủ tịch thì</i> cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị <i>để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành</i> trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đó bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp có đề</p>	<p>Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Chủ tịch</u> Hội đồng quản trị <u>được</u> bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đó bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp có đề</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>nghị sau đây:</p> <p>a. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 Người quản lý khác; c. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	<p>nghị sau đây:</p> <p>a. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 Người quản lý khác; c. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị. <i>d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.</i></p> <p>7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. <i>Thông báo mời họp phải kèm tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.</i></p> <p>11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12, 13 Điều này; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. <i>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty</i></p> <p>13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận <i>phù hợp với Điều 72 Luật các TCTD.</i></p> <p><i>15. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp có thể mời thêm một số thành viên khác tham dự cuộc họp của HĐQT để xem xét giải quyết các công việc chuyên môn.</i></p>
<p>Điều 29. Thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Căn cứ quy định pháp luật, tình hình hoạt động của Công ty và nhu cầu quản trị, Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban/Hội đồng, bộ phận tham mưu, giúp việc trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn các Ủy ban/Hội đồng sau:</p>	<p>Điều 29. Thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. <i>Hội đồng quản trị quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của 02 Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành,</i></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>a. Ủy ban Quản lý rủi ro; b. Ủy ban Nhân sự; c. Các Ủy ban/Hội đồng khác theo quy định pháp luật hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ. 2. Cơ cấu của các Ủy ban/Hội đồng: a. Số lượng thành viên của Ủy ban/Hội đồng do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và Người điều hành, trong đó thành viên Hội đồng quản trị sẽ là Chủ tịch Ủy ban/Hội đồng. b. Quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện thành viên của các Ủy ban/Hội đồng này do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ.</p>	<p><u>Công ty gửi các quy định nội bộ này cho Ngân hàng Nhà nước (cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng).</u> 2. <u>Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để giúp việc cho Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng quản trị quy định.</u></p>
<p>Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành 1. Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp; b. Không thuộc đối tượng không được là Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của Pháp luật; c. Có ít nhất 05 năm là Người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; d. Có đạo đức nghề nghiệp; 2. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a. Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a, d và e khoản 1 Điều này; b. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực</p>	<p>Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành 1. Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: a. <u>Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều lệ Công ty</u> b. <u>Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</u> c. <u>Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán</u> d. <u>Có một trong các điều kiện sau đây:</u> (i) <u>Có ít nhất 05 năm là Người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc;</u> (ii) <u>Có ít nhất 05 năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc;</u> (iii) <u>Có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</u> 2. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, <u>Giám đốc chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty con</u> phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a. <u>Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều lệ Công ty;</u></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; e. Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật liên quan đối với Phó Tổng Giám đốc.</p>	<p>b. <u>Có một trong các điều kiện sau đây:</u> (i) <u>Có trình độ</u> từ đại học trở lên về một trong các ngành <u>tài chính, ngân hàng</u>, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, <u>kế toán, kiểm toán</u> hoặc <u>ngành khác thuộc</u> lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc; (ii) <u>Có trình độ</u> từ đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; c. <u>Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm</u> d. <u>Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.</u></p>
<p>Điều 32. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác</p> <p>1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</p> <p>g. Tuyển dụng lao động;</p> <p>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>k. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;</p> <p>n. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.</p> <p>o. Quyết định góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác và các hình thức đầu tư khác theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị và quy chế của Công ty;</p>	<p>Điều 32. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác</p> <p>1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề <u>thuộc thẩm quyền</u> liên quan đến <u>hoạt động</u> kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của <u>Đại hội đồng cổ đông</u>, Hội đồng quản trị;</p> <p>c. <u>Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Công ty theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;</u></p> <p>d. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị, <u>đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền;</u></p> <p>f. Kiến nghị quy chế quản lý nội bộ của Công ty</p> <p>g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, <u>điều hành của Công ty</u>, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của <u>Đại hội đồng cổ đông</u>, Hội đồng quản trị;</p> <p>h. Quyết định tiền lương, <u>thưởng</u> và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</p> <p>i. Tuyển dụng lao động;</p> <p>j. Kiến nghị phương án <u>sử dụng lợi nhuận</u>, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>m. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>p. Chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn góp của Công ty tại các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác theo sự phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>q. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ Công ty.</p>	<p>nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin <u>quản lý</u>;</p> <p>p. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.</p> <p>q. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ Công ty.</p>
<p>Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Vai trò của Ban kiểm soát:</p> <p>Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Quy chế này; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, <u>Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;</u></p> <p>b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</p> <p>c. <u>Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;</p> <p>e. <u>Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên;</u></p> <p>f. <u>Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ</u></p>	<p>Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Vai trò của Ban kiểm soát:</p> <p>Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của <u>Luật các tổ chức tín dụng, Điều lệ Công ty</u> và Quy chế này; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>a. <u>Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Công ty về kế toán, báo cáo.</u></p> <p>b. Ban kiểm soát thực hiện giám sát <u>hoạt động quản trị, điều hành Công ty trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</u></p> <p>c. <u>Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Công ty, có quyền sử dụng các nguồn lực của Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát</u></p> <p>d. <u>Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Công ty; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>e. <u>Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định,</u></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>thông trở lên, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;</p> <p>j. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;</p> <p>k. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Bộ phận Kiểm toán nội bộ;</p> <p>l. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>m. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm</p>	<p>hợp đồng, giao dịch khác của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f. <u>Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Công ty.</u></p> <p>g. <u>Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:</u> <i>(i) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</i> <i>(ii) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Công ty, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</i></p> <p>h. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</p> <p>i. <u>Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Công ty có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</u></p> <p>j. <u>Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</u></p> <p>k. <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng kiểm toán nội bộ.</u></p> <p>l. <u>Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các</u></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình;</p> <p>o. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty trong việc quản trị, điều hành Công ty; Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác;</p> <p>p. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;</p> <p>q. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>r. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.;</p> <p>s. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;</p> <p>u. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>v. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Công ty; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;</p> <p>w. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>x. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có</p>	<p><i>khoản 2.f, 2.i và 2.t Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, người có liên quan theo quy định của Luật Các TCTD.</i></p> <p>m. <i>Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;</i></p> <p>n. <i>Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;</i></p> <p>o. <i>Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;</i></p> <p>p. <i>Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>q. <i><u>Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</u></i></p> <p>r. <i>Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;</i></p> <p>s. <i>Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ Công ty. <u>Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</u></i></p> <p>t. <i>Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các Tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;</i></p> <p>u. <i><u>Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u></i></p> <p>v. <i><u>Trường ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ toạ. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.</u></i></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>y. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định pháp luật có liên quan.</p>	<p>w. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định pháp luật có liên quan.</p>
<p>Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan;</p> <p>e. Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>f. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;</p> <p>g. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan;</p> <p>h. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;</p> <p>i. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>j. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>k. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét;</p>	<p>Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a. Triệu tập <u>và làm chủ tọa</u> cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại <u>Quy chế này, Điều lệ Công ty và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;</u></p> <p>c. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan;</p> <p>e. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, <u>có quyền</u> phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;</p> <p>f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>h. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét;</p> <p>i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>j. <u>Chỉ được</u> Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện <u>quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát</u> của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;</p> <p>k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>I. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát; m. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện <i>nhiệm vụ</i> của mình trong thời gian vắng mặt; n. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật <i>có liên quan</i>.</p>	
<p>Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát;</p> <p>b. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, <i>kiểm tra</i> sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm đó;</p> <p>c. <i>Được quyền</i> yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh;</p> <p>d. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về những <i>sự kiện</i> tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình <i>trước Đại hội đồng cổ đông</i>;</p> <p>e. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng quản trị, được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và <i>được trực tiếp</i> báo cáo <i>trước Đại hội đồng cổ đông</i>;</p> <p>f. <i>Hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có sai phạm nghiêm trọng theo quy định tại Điều lệ này</i>;</p> <p>g. <i>Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty. Trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ</i>;</p> <p>h. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty <i>và của cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu</i>;</p>	<p>Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm <i>chức danh</i> Trưởng Ban Kiểm soát;</p> <p>b. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, <i>kiểm soát</i> sổ sách kế toán, tài sản, <i>báo cáo tài chính</i> các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục;</p> <p>c. <i>Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Công ty</i>;</p> <p>d. Yêu cầu người <i>quản lý, người điều hành</i>, cán bộ, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh <i>để thực hiện nhiệm vụ được phân công</i>;</p> <p>e. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về những <i>hoạt động</i> tài chính bất thường của Công ty và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá, kết luận của mình;</p> <p>f. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng quản trị, được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và báo cáo Trưởng ban kiểm soát;</p> <p>g. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, quy định nội bộ của Ban kiểm soát <i>và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát</i> một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, <i>chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình</i>;</p> <p>h. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường;</p> <p>i. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với</p>



QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>i. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường;</p> <p>j. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;</p> <p>k. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>thành viên đó;</p> <p>j. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>
<p>Điều 35. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của Công ty có từ 03 đến 05 thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, <i>trong đó phải có ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. Nhiệm kỳ thành viên của Ban Kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i></p> <p>3. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát: Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a. <i>Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</i> b. <i>Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của Pháp luật;</i> c. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán; d. Không phải là Người có liên quan của Người quản lý Công ty; e. <i>Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</i> f. <i>Có đạo đức nghề nghiệp;</i> g. Có các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Đề cử, ứng cử, bầu thành viên Ban kiểm soát. a. ...</p>	<p>Điều 35. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát: a. Ban kiểm soát của Công ty có từ 03 đến 05 thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết; <i>b. <u>Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm. Nhiệm kỳ thành viên của Ban Kiểm soát là năm (05) năm và nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.</u></i> <i>c. <u>Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.</u></i> <i>d. <u>Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Khoản 1a Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Công ty phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Công ty được kiểm soát đặc biệt thì sẽ do Ngân hàng Nhà nước quyết định phù hợp với thực trạng hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</u></i> <i>e. <u>Trong trường hợp Ban Kiểm soát của Công ty được bầu trước ngày Luật các TCTD có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2024) mà không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.</u></i></p> <p>2. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát: Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: <i>a. <u>Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều lệ công ty</u></i> <i>b. <u>Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</u></i> c. Có <u>trình độ</u> từ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán, <u>tài chính, ngân hàng</u>; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>5. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát</p> <p>a. Thành viên Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><i>(i) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 Quy chế này;</i></p> <p><i>(ii) Chết, mất năng lực hành vi dân sự;</i></p> <p><i>(iii) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;</i></p> <p><i>(vii) Chức danh đã được thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y của thành viên Ban kiểm soát đương nhiên hết hiệu lực.</i></p> <p>b.</p> <p>c. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><i>d. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</i></p> <p>e. Các cổ đông nắm giữ cổ phần biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên....</p> <p><i>6. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:</i></p> <p><i>Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</i></p> <p>a...</p> <p>b...</p>	<p>trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>d. Không phải là Người có liên quan của Người quản lý Công ty;</p> <p>e. <u>Trưởng</u> Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>f. Có các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Đề cử, ứng cử, bầu thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>a. ...</p> <p>4. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát</p> <p>a. Thành viên Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><i>(i) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty;</i></p> <p><i>(ii) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt <u>tồn tại;</u></i></p> <p><i>(vi) Chết.</i></p> <p>b.</p> <p>c. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><i>(iii) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;</i></p> <p>d. Các cổ đông nắm giữ cổ phần biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên....</p> <p><u>5. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:</u></p> <p><u>Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</u></p> <p>a.</p> <p>b.</p> <p>c.</p>